

Số: 96 /CV-CTBG

Cao Bằng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

THÔNG BÁO THAY ĐỔI NHÂN SỰ

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
 - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO

Mã chứng khoán: BCV

Địa chỉ: Số 001, Phố Kim Đồng, phường Thục Phán, tỉnh Cao Bằng

Điện thoại: 0206 3955 789

Email: banggiangbcv@gmail.com

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 23/4/2026 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - Vimico tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Đại hội đã bầu bổ sung 02 thành viên Hội đồng quản trị, 01 thành viên Ban kiểm soát như sau:

2.1. Thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Viên	Chủ tịch HĐQT	Bổ nhiệm mới vào HĐQT
2	Ông Lê Văn Miêu	Thành viên HĐQT	Bổ nhiệm mới vào HĐQT

2.2. Thành viên Ban kiểm soát

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Nông Kiều Trang	Thành viên BKS	Bổ nhiệm mới vào BKS

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 23/4/2026 tại đường dẫn: <http://ksbanggiangcaobang.com.vn/vi/news/cong-bo-thong-tin/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website Công ty;
- Lưu VT.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
GIÁM ĐỐC



Tạ Quang Thành

Số: 92 /NQ-HĐQT

Cao Bằng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Về việc bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Băng Giang Cao Bằng - VIMICO sửa đổi, bổ sung lần thứ năm được ban hành kèm theo Quyết định số 78/QĐ-CTBG ngày 28 tháng 4 năm 2025 của Hội đồng quản trị Công ty;

Căn cứ Biên họp Hội đồng quản trị số 91/BB-HĐQT ngày 23/4/2026 của Hội đồng quản trị Công ty,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bầu ông Đặng Xuân Tuyên - Thành viên Hội đồng quản trị giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Băng Giang Cao Bằng - Vimico nhiệm kỳ 2023 - 2028 với 4/4 số phiếu biểu quyết.

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Điều 2. Các thành viên HĐQT, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Băng Giang Cao Bằng - Vimico chịu trách nhiệm thực hiện Nghị quyết này.

CÁC THÀNH VIÊN HĐQT

Lê Văn Miêu

Vương Văn Hường

Tạ Quang Thành

CHỦ TỊCH



Đặng Xuân Tuyên

Nơi nhận:

- Các t/v HĐQT, Tr.BKS;
- Lưu Thư ký, VP.

Số: 94/NQ-ĐHĐCĐ

Cao Bằng, ngày 23 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ THƯƠNG MẠI
BẰNG GIANG CAO BẰNG - VIMICO

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Quy chế Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23/4/2026;

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2026 Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO ngày 23/4/2026,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 với các nội dung sau:

1.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH Năm 2025	TH năm 2024	TH năm 2025	% so với cùng kỳ	% so với KH năm
1	Tổng doanh thu	Tr.đồng	16.800	15.036	25.614	170,35	152,46
2	Nộp ngân sách	Tr. đồng	3.029	2.591	3.297	127,25	108,85
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.020	351	603	171,79	59,11
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	816	351	603	171,79	73,90
5	Quỹ tiền lương thực hiện	Tr. đồng	2.621	2.362	2.580	109,23	98,44
6	Lao động SD bình quân	Người	28	27	28	103,70	100
7	Tiền lương bình quân	Tr.đ/ng.th	7,0	7,3	7,6	104,11	108,57
8	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ng.th	7,8	7,8	7,7	98,72	98,72

9	Các sản phẩm chủ yếu						
9.1	Doanh thu ăn uống	Tr.đồng	7.400	5.454	6.785	124,40	91,69
9.2	Doanh thu phòng nghỉ	Tr. đồng	3.750	3.750	3.613	96,35	96,35
9.3	Doanh thu hội trường	Tr. đồng	350	798	734	91,98	209,71
9.4	Doanh thu lễ hành	Tr. đồng	2.200	687	10.719	1560,26	487,22
9.5	DT địa điểm + thu khác	Tr. đồng	3.100	3.530	3.763	106,60	121,39

1.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2026	% so với cùng kỳ
1	Tổng doanh thu	Tr. đ	16.800	17.200	102,38
2	Nộp ngân sách	Tr. đ	3.022	2.915	96,46
3	Lợi nhuận	Tr. đ	1.020	309	30,29
4	Tiền lương bình quân	Tr. đ	7,0	7,3	104,28
5	Tổng quỹ tiền lương	Tr. đ	2.621	2.737	104,42
6	Các sản phẩm chủ yếu				
6.1	DT dịch vụ ăn uống	Tr. đ	7.400	6.500	87,84
6.2	DT dịch vụ phòng nghỉ	Tr. đ	3.750	3.700	98,67
6.3	DT hội trường	Tr. đ	350	350	100,0
6.4	DT lễ hành du lịch	Tr. đ	2.200	3.500	159,09
6.5	DT địa điểm + khác	Tr.đ	3.100	3.150	101,61

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 2. Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 3. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025, kế hoạch hoạt động năm 2026.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 4. Thông qua báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và phương án phân phối lợi nhuận năm 2025; phương án trả cổ tức năm 2025 và kế hoạch trả cổ tức năm 2026

4.1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2025

+ Bảng cân đối kế toán:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm 31/12/2025	Số đầu năm 01/01/2025
I	Tổng tài sản	Đồng	22.631.735.236	21.562.120.324
1	Tài sản ngắn hạn	Đồng	8.977.682.110	8.009.653.440
2	Tài sản dài hạn	Đồng	13.654.053.126	13.552.466.884
II	Tổng nguồn vốn	Đồng	22.631.735.236	21.562.120.324
1	Nợ phải trả	Đồng	7.045.933.944	6.579.711.510
2	Vốn chủ sở hữu	Đồng	15.585.801.292	14.982.408.814
	Tr.đó: Vốn điều lệ	Đồng	18.000.000.000	18.000.000.000
	LNST chưa phân phối	Đồng	603.392.478	351.159.547

4.2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2025

- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2025: 603.392.478đ

Do Công ty đang lỗ lũy kế là 3.144.976.146đ nên không thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2025, năm 2026 và trích lập các quỹ.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 5. Thông qua kết quả thực hiện chi trả lương quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2025 và kế hoạch năm 2026

5.1. Kết quả chi trả lương quản lý, thù lao HĐQT, BKS năm 2025

+ Đại hội đồng cổ đông thống nhất chi trả lương quản lý năm 2025, cụ thể như sau:

TT	Chức danh	Số người	KH năm 2025	TH năm 2025
1	Giám đốc	1	179.484.000đ	158.454.000đ
2	Phó Giám đốc	1	170.820.000đ	150.430.000đ
Tổng cộng			350.304.000đ	308.884.000đ

Việc chi trả lương cho quản lý năm 2025 thấp hơn so với kế hoạch là do từ tháng 1 đến tháng 5 công ty chi trả lương theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và từ tháng 6 đến tháng 12 công ty chi trả lương theo quyết định số 1144/QĐ-Vimico ngày 18/11/2024 về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương công ty mẹ - Tổng công ty khoáng sản - TKV.

+ Thực hiện chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2025

Căn cứ nghị quyết số 72/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. Công ty chi trả tiền thù lao HĐQT, BKS bằng 50% kế hoạch năm cụ thể:

T T	Chức danh	Mức lương đ/tháng	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
2	Thành viên HĐQT	13.430.000	3	20	2.686.000	96.696.000
3	Trưởng ban kiểm soát	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
4	Thành viên ban kiểm soát	12.668.000	2	20	2.534.000	60.816.000
	Tổng cộng					229.296.000

$$229.296.000đ \times 50\% = 114.648.000đ$$

Bằng chữ: Một trăm mười bốn triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn đồng./.

Tương ứng:

Tt	Chức danh	KH Phụ cấp cả năm (đ)	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (%)	Thực hiện chi trả (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	35.892.000	1	50	17.946.000
2	Thành viên HĐQT	96.696.000	3	50	48.384.000
3	Trưởng ban kiểm soát	35.892.000	1	50	17.946.000
4	Thành viên ban kiểm soát	60.816.000	2	50	30.408.000
	Tổng cộng				114.648.000

+ Kế hoạch chi trả lương quản lý năm 2026

Chức danh	Số người	KH năm 2026
Giám đốc	1	192.000.000đ
Phó Giám đốc	1	183.000.000đ
Tổng cộng		375.000.000đ

+ Đề xuất mức chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2026

Căn cứ Quyết định số 1144/QĐ-VIMICO ngày 18/11/2024 của Tổng công ty Khoáng sản - TKV về việc ban hành hệ thống thang lương, bảng lương Công ty mẹ - Tổng công ty Khoáng sản - TKV. Hội đồng quản trị dự thảo mức phụ cấp bằng 20% mức lương tháng áp dụng cho các chức danh chuyên trách tương ứng (Chủ tịch HĐQT tương ứng Giám đốc, Thành viên HĐQT tương ứng Phó Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát tương ứng Giám đốc, thành viên Ban kiểm soát tương ứng Kế toán trưởng) như sau:

T T	Chức danh	Mức lương đ/tháng	Số lượng (người)	Mức phụ cấp (% mức lương tháng)	Tiền PC tháng (đ/tháng)	Phụ cấp cả năm (đ)
1	Chủ tịch HĐQT	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
2	Thành viên HĐQT	13.430.000	3	20	2.686.000	96.696.000

3	Trưởng ban kiểm soát	14.957.000	1	20	2.991.000	35.892.000
4	Thành viên ban kiểm soát	12.668.000	2	20	2.534.000	60.816.000
	Tổng cộng					229.296.000

(Bằng chữ: Hai trăm hai mươi chín triệu, hai trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Mức thù lao trên chỉ là dự kiến, mức chi trả thực tế sẽ được xác định dựa vào kết quả sản xuất kinh doanh năm 2026 của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và ủy quyền cho HĐQT, Ban điều hành phối hợp với Ban kiểm soát công ty lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2026 của công ty.

- Kiểm toán BCTC và phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2026 (từ 01/01/2026 đến 31/12/2026), bao gồm cả báo cáo soát xét niên độ 01/01/2026 đến 30/6/2026);

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 7. Thông qua huỷ tư cách công ty đại chúng và huỷ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc huỷ tư cách công ty đại chúng và huỷ đăng ký giao dịch cổ phiếu trên hệ thống Upcom.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 8. Miễn nhiệm, bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028

8.1. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc miễn nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 với các ông, bà sau:

+ Ông Nguyễn Văn Viên - Kế toán trưởng Tổng công ty khoáng sản - TKV - Chủ tịch HĐQT

+ Ông Đỗ Văn Thắng - Ủy viên ban thường vụ tỉnh ủy - Trưởng ban Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy - Thành viên HĐQT

+ Ông Nguyễn Lệnh An - Chuyên viên phòng nghiệp vụ V Thanh tra tỉnh Cao Bằng

8.2. Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua kết quả bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2023 - 2028 với các ông, bà sau:

+ Ông Đặng Xuân Tuyên - Phó Tổng giám đốc Tổng công ty khoáng sản - TKV - Thành viên HĐQT công ty

+ Ông Lê Văn Miêu - Chánh văn phòng tỉnh ủy Cao Bằng - Thành viên HĐQT công ty

+ Bà Nông Kiều Trang - Chuyên viên phòng Quản trị, Văn phòng Tỉnh ủy Cao Bằng - Thành viên Ban kiểm soát công ty

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 9. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty

Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty:

9.1. Tổng số ngành nghề kinh doanh của công ty sau rà soát: 95 ngành nghề, cụ thể:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
2	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
3	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
4	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
5	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
6	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
7	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
8	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1105
10	In ấn	1811
11	Dịch vụ liên quan đến in	1812
12	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
13	Xây dựng nhà để ở	4101
14	Xây dựng nhà không để ở	4102
15	Xây dựng công trình điện	4221
16	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19	Xây dựng công trình thủy	4291
20	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
22	Phá dỡ	4311
23	Chuẩn bị mặt bằng	4312
24	Lắp đặt hệ thống điện	4321
25	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hòa không khí	4322
26	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
27	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
28	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
29	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa	4610
30	Bán buôn thực phẩm	4632
31	Bán buôn đồ uống	4633
32	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào	4634
33	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
34	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
35	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4661
36	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4662

11/02/2024

37	Bán buôn mô tô, xe máy, phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4663
38	Bán buôn tổng hợp	4690
39	Bán lẻ tổng hợp với lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn	4711
40	Bán lẻ tổng hợp khác	4719
41	Bán lẻ lương thực	4721
42	Bán lẻ thực phẩm	4722
43	Bán lẻ đồ uống	4723
44	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4724
45	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4752
46	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
47	Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4761
48	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao	4762
49	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác	4781
50	Vận tải hành khách đường sắt	4911
51	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
52	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
53	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
54	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
55	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
56	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
57	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
58	Bốc xếp hàng hóa	5224
59	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
60	Khách sạn và dịch vụ lưu trú tương tự	5510
61	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
62	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530
63	Cơ sở lưu trú khác	5590
64	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
65	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
66	Dịch vụ ăn uống khác	5629
67	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
68	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640
69	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu	6619
70	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
71	Quảng cáo	7310
72	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
73	Cho thuê xe có động cơ	7710
74	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
75	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
76	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730

77	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
78	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm	7810
79	Cung ứng lao động tạm thời	7821
80	Đại lý lữ hành	7911
81	Điều hành tua du lịch	7912
82	Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7990
83	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
84	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
85	Dịch vụ đóng gói	8292
86	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	8299
87	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
88	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
89	Sửa chữa, bảo dưỡng giày, dép, hàng da và giả da	9523
90	Sửa chữa, bảo dưỡng giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
91	Sửa chữa, bảo dưỡng xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
92	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9610
93	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác	9622
94	Dịch vụ spa và xông hơi	9623
95	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác	9690

9.2. Bộ 10 ngành nghề không tồn tại trên hệ thống gồm:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
2	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
3	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
4	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet	4791
5	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu	4799
6	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất	6820
7	Cung ứng và quản lý nguồn lao động	7830
8	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
9	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
10	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620

9.3. Bộ 5 ngành nghề không đăng ký kinh doanh theo giấy phép ĐKKD cũ gồm:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại	2592
2	Xây dựng công trình đường sắt	4211

3	Xây dựng công trình đường bộ	4212
4	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
5	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ và các dịch vụ liên quan	9630

9.4. Đăng ký bổ sung mới 06 ngành nghề sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày khác	5520
2	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ lưu trú	5530
3	Hoạt động dịch vụ trung gian cho dịch vụ ăn uống	5640
4	Dịch vụ chăm sóc sắc đẹp và các hoạt động làm đẹp khác	9622
5	Dịch vụ spa và xông hơi	9623
6	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác	9690

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 10. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty lần thứ sáu

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty lần thứ sáu cụ thể như sau:

Mục 1, Điều 2; mục 6, Điều 2; Mục 2, Điều 4; Mục 3, Điều 14; Khoản 6, Điều 26; Điểm n, khoản 3, Điều 27; Điểm b, khoản 4, Điều 35; Mục 1, Điều 62.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị

ĐHĐCĐ thống nhất thông qua việc sửa đổi, bổ sung quy chế nội bộ về quản trị cụ thể như sau:

Mục 1, Điều 2; Điểm n, mục 3, Điều 9.

Đại hội đồng cổ đông đã biểu quyết với tỷ lệ tán thành 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại ĐHĐCĐ.

Điều 12. Điều khoản thi hành

12.1. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Du lịch và Thương mại Bằng Giang Cao Bằng - VIMICO biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết của các cổ đông có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.

12.2. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

12.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và toàn thể cổ đông Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này. Đại hội đồng cổ đông giao cho HĐQT và Ban điều hành tổ chức triển khai thực hiện theo thẩm

quyền, chức năng hoạt động của mình phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty./.

Nơi nhận:

- UBCK (b/c)
- HĐQT, BKS, các cổ đông;
- Các phòng, ban Công ty;
- Website công ty;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Văn Viên